TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 198/2025/HC-PT
Ngày: 11 - 9 - 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực hạ tầng giao thông".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu

Bà Nguyễn Thị Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 506/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực hạ tầng giao thông".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2025/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét sử số 474/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Xuân H, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ E, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Tổ E, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đỗ Khắc X, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt);

2. Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Nai);

3. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Nai);

4. Ông Vũ Minh T2, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai);

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà C, ông T2: Ông Đỗ Khắc X, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai).

5. Ông Phạm Thanh H1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Tổ E, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Nai).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là ông Lê Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Lê Xuân H và người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Khắc X trình bày:

Năm 2021, Nhà nước làm đường bê tông xi măng cho các hộ dân tại tổ E, ấp B, xã L, huyện L, các hộ dân được hỗ trợ 100% vốn đầu tư. Ngày 28/02/2021, tại tổ E tiến hành họp xóm của đại diện 05 hộ dân do ông Đỗ Văn T3 là Trưởng ấp chủ trì. Sau đó, Ủy ban nhân dân xã L đã thu tổng số tiền của các hộ dân là 28.000.000 đồng. Tuy nhiên, các hộ dân cho rằng Ủy ban nhân dân xã L đã thu tiền của các hộ dân là không có căn cứ.

Cơ sở pháp lý để thi công được Ủy ban nhân dân xã L áp dụng là Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020. Căn cứ Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh B quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn Ngân sách Nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2018- 2020 đối với các xã nghèo được Nhà nước đầu tư 100% vốn làm đường bê tông xi măng cho dân. Căn cứ Nghị định số 161 đưa vào tỉnh Bình Phước ngày 30/7/2017 để thực hiện đường bê tông xi măng cho dân đối với các xã nghèo được hưởng theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP được

Nhà nước đầu tư 100% vốn để làm đường mà người dân không phải đóng bất kỳ một khoản tiền nào. Như vậy, năm 2021, Nhà nước làm đường bê tông xi măng cho các hộ dân tại tổ E thuộc diện được Nhà nước đầu tư vốn 100%, tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã L lại tiến hành thu tiền của các hộ dân với tổng số tiền 28.000.000 đồng là sai với Nghị định số 161/2016/NĐ-CP.

Ngày 15/01/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định số 13/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H, cư trú tại tổ E, ấp B, xã L, huyện L (lần đầu). Không đồng ý, ông H tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện L. Ngày 11/6/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 3152/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn của ông Lê Xuân H, địa chỉ tổ E, ấp B, xã L, huyện L (lần hai).

Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, ông H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, tuyên:

- Hủy Quyết định hành chính số 3152/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn của ông Lê Xuân H, địa chỉ: tổ E, ấp B, xã L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng cho 05 hộ dân tại tổ E, ấp B, xã L, huyện L.

Tại các văn bản trình bày ý kiến người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Ông Lê Xuân H khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 13/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 28.000.000 đồng do Ủy ban nhân dân xã L đã tổ chức thu tiền của người dân để ban gạt đường đất, tháo dỡ hàng rào, lấp lề đường trước khi tiến hành làm đường bê tông tại tổ E, ấp B, xã L. Vụ việc khiếu nại này đã được ông H ủy quyền cho ông X. Ủy ban nhân dân huyện L thực hiện tiếp nhận và giải quyết khiếu nại theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương IV "Trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại" của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Ông H khiếu nại Ủy ban nhân dân xã L đã thu tiền 28.000.000 đồng của 05 hộ dân tại tổ E, ấp B để thực hiện hợp đồng ban, gạt lỡ, đỗ đất làm mặt bằng là trái quy định là không có cơ sở, lý do: căn cứ kết quả thẩm định Dự toán xây dựng công trình ngày 13/4/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng và Quyết định phê duyệt dự toán xây dựng công trình đường bê tông xi măng tại tổ E, ấp B, xã L của Ủy ban nhân dân xã L cho thấy: Tổng dự toán phê duyệt là 346.160.292, trong đó: Xi măng: 106.705.022 đồng; Cát: 76.374.144 đồng; Đá 1x2: 79.867.652 đồng; Chi phí vận chuyển: 25.253.474 đồng; Chi phí thi công là 57.960.000 đồng. Như vậy, phần dự toán trên không bao gồm chi phí ban, gạt lỡ, đỗ đất để làm mặt bằng.

Theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh B về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh B về mức hỗ

trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020, có quy định: "*Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:*

b) Hỗ trợ để thực hiện các công trình hạ tầng áp dụng theo cơ chế đầu tư đặc thù, cụ thể:

- Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% dự toán công trình đối với xã đặc biệt khó khăn; thôn đặc biệt khó khăn; các tổ/xóm có trên 50% là hộ đồng bào dân tộc thiểu số

-

.....

Khuyến khích đối ứng của nhân dân không hạn chế nhưng tuyệt đối không được yêu cầu người dân đóng góp bắc buộc và huy động quá sức dân, không được yêu cầu những hộ dân nghèo, cận nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách đóng góp. Đồng thời tăng cường tuyên truyền đến người dân hiểu và tự nguyện tham gia".

Việc Ủy ban nhân dân xã L chấp thuận cho Ban điều hành ấp B vận động người dân đóng góp số tiền 28.000.000 đồng để ban, gạt lỡ, đỗ đất làm mặt bằng là không sai quy định. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định.

Tại văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L và tại phiên tòa ông Trần Văn T4 là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Tháng 02/2021, sau khi thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện L về việc đầu tư xây dựng công trình đường bê tông xi măng tại tổ E, ấp B, xã L tuyến đường dài là 350 mét, rộng là 04 mét, độ dày bê tông là 18 cm (tuyến đường bắt đầu từ nhà ông Lê Văn T1 đến nhà ông Phạm Thanh H1), Ủy ban nhân dân xã L đã chỉ đạo Trưởng ấp B tổ chức họp dân tại tổ E nơi có tuyến đường đi qua đê thông báo phương án làm đường và bàn bạc một số công việc liên quan. Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã L, ngày 28/02/2021 tại tổ E diễn ra cuộc họp xóm của đại diện 08 hộ dân tại tổ 5 do ông Đỗ Văn T3 là Trưởng ấp chủ trì. Tại cuộc họp, người được thông báo về việc Uỷ ban nhân dân huyện đã thuận chủ trương phê duyệt vốn đầu tư làm đường bê tông xi măng trong xóm T. Cụ thể là Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí mua vật liệu xây dựng như xi măng, cát vàng, đá các loại để thi công đường bê tông xi măng, chi phí vận chuyển vật liệu đến nơi thi công, toàn bộ kinh phí thi công phần bê tông xi măng. Tuyến đường bê tông xi măng dự kiến xây dựng có chiều rộng 04 mét, độ dày là 18 cm, độ dài là 350 mét kéo dài từ nhà ông Lê Văn T1 đến nhà ông Phạm Thanh H1 theo đề nghị của các hộ dân trước đó, được thẩm định bởi Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện và Quyết định duyệt vốn đầu tư của Uỷ ban nhân dân huyện. Chủ trì cuộc họp cũng vận động các hộ dân có đất giáp ranh hai bên đường, nơi đường bê tông đi hiến một phần diện tích đất vườn cho đủ độ rộng nền đường đất cần thiết làm đường bê tông 04 mét, 02 bên lề đường mỗi bên 01

mét, tổng cộng là 06 mét để thi công đường bê tông xi măng. Ngoài ra, hiện trạng thực tế 08 hộ dân đều được biết tuyến đường rất gồ ghề do trước đây được hình thành từ nền đất bưng, đất ruộng, tồn tại hàng rào hai bên của các hộ dân nên cần di dời vào phía trong lấy mặt bằng thi công, cây cối lớn nên yêu cầu tiên quyết phải đổ đất lấp 01 mương sâu, ổ gà hết khoảng 15 xe đất sỏi với tổng khối lượng khoảng 150m, không gian cây cối lớn cần giải toả, kiến tạo mặt bằng, ban gạt lấy mặt phẳng, lu lèn nền đất đủ rộng 06 mét chiều ngang để đổ bê tông 04 mét và làm lề đường hai bên để trồng hoa, trồng cột điện, mương thoát nước, lấp lề đường sau khi thi công xong đường bê tông xi măng xong, tuyến đường chiều dài 350 mét (thực hiện Văn bản hướng dẫn số 101/VPĐP ngày 12/6/2019 của Văn phòng điều phối xây dựng Nông thôn mới tỉnh Bình Phước), những kinh phí này không có trong danh mục đầu tư của tỉnh và huyện. Vì những công việc không được nhà nước hỗ trợ kinh phí do đặc điểm địa hình đặc thù ở địa phương, nên T5 ấp vận động nhân dân đóng góp kinh phí để làm những công việc này. Các khoản được vận động đóng góp này loại trừ đối với các đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo và người đồng bào dân tộc thiểu số. Sau khi lắng nghe Trưởng ấp thông báo và vận động, các hộ dân đã bàn bạc, thống nhất: 05 hộ dân dự họp đã đóng góp tổng số tiền 28.000.000 đồng, trong đó có 01 hộ bà Bùi Thị C là hộ nghèo nhưng cũng tình nguyện được đóng góp 05 triệu đồng vì bà C cho biết bà đủ khả năng đóng góp. Có 03 hộ còn lại là người đồng bào dân tộc thiểu số chỉ có đất vườn mà không sinh sống trong xóm không được vận động đóng góp kinh phí mà chỉ vận động hiến đất làm đường. Sau đó nhân dân xóm cũng cử ra thủ quỹ, người quản lý, bảo vệ vật liệu xây dựng, tổ thi công, tổ giám sát quản lý để chi trả thuê đơn vị thi công làm những công việc nêu trên. Số tiền các hộ đóng góp đã được gửi lên Ủy ban nhân dân xã Q, thanh toán sau khi thi công hoàn tất. Tổng kinh phí dự toán làm các công việc nêu trên là 38.000.000 đồng trong đó bao gồm các hộ dân đóng góp 28.000.000 đồng; Công ty T7 có trụ sở tại xã L sau khi được vận động ủng hộ đã hỗ trợ 10.000.000 đồng.

Ngày 02/3/2021, tại nhà ông H diễn ra cuộc họp xóm lần thứ hai, cuộc họp do ông Đỗ Văn T3 là T5 ấp chủ trì, có sự tham dự của đại diện các hộ dân trong xóm để tiếp tục họp bàn việc làm đường nêu trên. Tại cuộc họp đại diện các hộ dân dự họp đã bầu ra Tổ thi công, Tổ giám sát, người phụ trách quản lý xi măng và thủ quỹ để quản lý, giám sát việc thi công tuyến đường nói trên. Công trình đường bê tông xi măng trên được khởi công ngày 21/05/2021, thi công hoàn thành, nghiệm thu vào ngày 09/6/2021. Ngày 06/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện B Văn bản số 2838/UBND-BTD về việc chuyển đến Ủy ban nhân dân xã L hồ sơ khiếu nại lần đầu (đề ngày 25/8/2023) của ông H, cư trú tại tổ E, ấp B, xã L, huyện L, nội dung khiếu nại về việc: "Vào năm 2021, Ủy ban nhân dân xã L thu tiền ban gạt đường đất, tháo dỡ hàng rào, lấp lề đường bê tông xi măng của ông H và các hộ dân cùng xóm thuộc tổ E, ấp B, xã L với tổng số tiền 28.000.000 đồng. Ông H cho rằng công trình đường bê tông xi măng ở tổ E, ấp B, xã L là xã nghèo được Nhà nước đầu tư 100% kinh phí làm đường theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ mà Ủy ban nhân dân xã T tiền làm đường là làm ảnh hưởng tới quyền lợi của người dân. Việc Ủy ban nhân dân xã L thu tiền của người dân tại tổ E, ấp B đã đi ngược lại với quy định, chính

sách của nhà nước, tỉnh Bình Phước trong việc phát triển xã nghèo cũng như làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung của tỉnh; Đa phần người dân tại tổ E, ấp B là hộ nghèo, kinh tế khó khăn nên việc Ủy ban nhân dân xã L bắt ép thu tiền đã ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống".

Qua các buổi làm việc với ông H trong quá trình giải quyết khiếu nại tại Uỷ ban nhân dân xã được ông H cho biết theo "Nghị định số 161/2016/NĐ-CP thì Nhà nước sẽ đầu tư 100% kinh phí làm đường bê tông xi măng cho xã L vì xã L là xã đặc biệt khó khăn. Những tuyến đường bê tông xi măng tại xã L là tuyến đường "0 đồng" đối với người dân xã L". Tuy nhiên, ông không cho biết là chi tiết nào trong Nghị định số 161/2016/NĐ-CP quy định như vậy.

Quá trình giải quyết đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đã giải thích, phổ biến tóm tắt cho ông H và một số hộ dân tại tổ 5 các quy định của pháp luật như Nghị định số 161/2016/NĐ-CP; Các văn bản pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh B và các văn bản như Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND; Văn bản hướng dẫn số 101/VPĐP ngày 12/6/2019; Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 20/4/2007 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Đồng thời, khẳng định Uỷ ban nhân dân xã đã áp dụng đầy đủ, chặt chẽ, kịp thời các quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho nhân dân ở khu dân cư nơi có công trình xây dựng đường bê tông xi măng đi qua. Theo các văn bản trên thì Uỷ ban nhân dân tỉnh và Uỷ ban nhân dân huyện không hỗ trợ kinh phí để chi phát sinh cho những công việc do đặc điểm địa hình đặc thù con đường tại tổ E nên Uỷ ban nhân dân xã không có kinh phí triển khai thực hiện được. Ngày 07/4/2023, Ủy ban nhân dân xã N được Văn bản số 966/UBND-NC của Ủy ban nhân dân huyện Y Uỷ ban nhân dân xã trả lời phản ánh, kiến nghị của ông H về việc yêu cầu Uỷ ban nhân dân xã trả lời lý do thu tiền của nhân dân khi triển khai con đường nêu trên. Ông H cho rằng Lộc P là xã nghèo thì các tuyến đường nêu trên khi triển khai xây dựng thì nhà nước sẽ đầu tư 100% kinh phí, nhân dân không phải đóng bất cứ khoản kinh phí nào, kể cả kinh phí phát sinh theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính Phủ. Sau khi nhận phản ánh, kiến nghị của ông H, vào ngày 17/5/2023, Uỷ ban nhân dân xã đã ban hành Văn bản số 23/UBND-NC trả lời kiến nghị cho ông H. Căn cứ kết quả xác minh, đối thoại giải quyết với người khiếu nại, các văn bản tại địa phương, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 15/01/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông H.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân xã L đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật và các văn bản triển khai của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Uỷ ban nhân dân huyện đã chi đúng mục đích và đảm bảo đầy đủ tất cả các khoản kinh phí được đầu tư bởi mà Nhà nước và đóng góp bởi 05 hộ dân xóm tổ 5. Việc đóng góp xây dựng con đường cho tuyến đường bê tông là hoàn toàn cho lợi ích của chính các hộ dân đi lại, lưu thông. Ủy ban nhân dân xã T không chi trùng lắp với khoản chi Nhà nước đã hỗ trợ, không chỉ sai mục đích gì ngoài mục đích nhân dân tổ 5 đã thống nhất ban đầu, không làm thất thoát, lãng phí số tiền mà nhân dân xóm tổ 5 đã đóng góp, thực tế số tiền 28.000.000 đồng đã

được chi toàn bộ cho việc mở rộng không gian, đổ đất, ban gạt mặt bằng, lu lèn và lấp lề hai bên đường bê tông. Vì vậy, việc ông H khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L trả lại ông số tiền 28.000.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện của ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Văn T1, Bà Bùi Thị C, ông Vũ Minh T2, ông Phạm Thanh H1 trình bày: Các đương sự nêu trên cơ bản thống nhất với lời trình bày của ông Lê Xuân H và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2025/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H, về việc:

- Hủy Quyết định hành chính số 3152/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn của ông Lê Xuân H, địa chỉ: tổ E, ấp B, xã L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng cho 05 hộ dân tại tổ E, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình PhướcPhước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/5/2025 người khởi kiện là ông Lê Xuân H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Lê Xuân H và ông Đỗ Khắc X người đại diện theo ủy quyền của ông H cho rằng việc Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 3152/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho ông H là không có căn cứ đối với nội dung khiếu nại. Do đó ông Lê Xuân H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét:

- Hủy Quyết định hành chính số 3152/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn của ông Lê Xuân H, địa chỉ: tổ E, ấp B, xã L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng cho 05 hộ dân tại tổ E, ấp B, xã L, huyện L.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

Căn cứ vào Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Nghị định số 161), tại khoản 5 Điều 2, có quy định: *"Sử dụng một phần ngân sách Nhà nước, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân. Phần kinh phí đóng góp của nhân dân có thể bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền"* và quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh B về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh B về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020, có quy định: "Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

b) Hỗ trợ để thực hiện các công trình hạ tầng áp dụng theo cơ chế đầu tư đặc thù, cụ thể.

Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% dự toán công trình đối với xã đặc biệt khó khăn; thôn đặc biệt khó khăn; các tổ/xóm có trên 50% là hộ đồng bào dân tộc thiểu số

Khuyến khích đối ứng của nhân dân không hạn chế nhưng tuyệt đối không được yêu cầu người dân đóng góp bắc buộc và huy động quá sức dân, không được yêu cầu những hộ dân nghèo, cận nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách đóng góp. Đồng thời tăng cường tuyên truyền đến người dân hiểu và tự nguyện tham gia".

Do đó, sau khi được thuận chủ trương của Uỷ ban nhân dân huyện về việc đầu tư xây dựng công trình tuyến đường bê tông xi măng dài là 350 mét, rộng là 04 mét, độ dày bê tông là 18 cm tại tổ E, ấp B. Ngày 28/02/2021, tại tổ E diễn ra cuộc họp xóm do ông Đỗ Văn T3 làm Trưởng ấp chủ trì (bút lục 57) thông báo phương án làm đường Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí mua vật liệu xây dựng như xi măng, cát vàng, đá các loại để thi công đường bê tông xi măng, chi phí vận chuyển vật liệu đến nơi thi công, toàn bộ kinh phí thi công phần bê tông xi măng. Tuy nhiên, do hiện trạng thực tế tuyến đường cần thi công có hàng rào, cây cối lớn, nền đường đất gồ ghề cần tự giải tỏa, ban gạt lấy mặt phẳng để đổ bê tông, lấp lề đường bê tông xi măng sau khi thi công xong theo Văn bản

hướng dẫn số 101/VPĐP ngày 12/6/2019 của Văn phòng điều phối xây dựng Nông thôn mới tỉnh Bình Phước, những kinh phí này không có trong dự toán hồ sơ xây dựng công trình không được Nhà nước đầu tư kinh phí hỗ trợ, nên Trưởng Ban điều hành (BĐH) ấp vận động nhân dân đóng góp kinh phí để làm những công việc trên (các khoản đóng góp này loại trừ các đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo và người đồng bào dân tộc thiểu số). Các hộ dân đã họp bàn bạc thống nhất 05 hộ dân tự nguyện đóng góp tổng số tiền 28.000.000 đồng, trong đó có hộ bà C là hộ nghèo nhưng cũng tình nguyện được đóng góp 05 triệu đồng. Sau đó các hộ dân tự cử ra thủ quỹ, người quản lý, bảo vệ vật liệu xây dựng, tổ thi công, tổ giám sát quản lý để chi trả thuê đơn vị thi công làm những công việc nêu trên.

Các nội dung nêu trên phù hợp với các nội dung tại Biên bản họp làm đường bê tông vào lúc 19 giờ ngày 02/3/2021 tại nhà ông H (bút lục 52), có tất cả các hộ dân tham gia có thể hiện nội dung: *"ông Đỗ Văn T3 là Trưởng ấp thông qua nội dung về chương trình theo đề án 161 cho tất cả các hộ dân nghe, sau đó bàn bạc và đi đến thống nhất làm đường bê tông chiều dài 350 mét, rộng 4 mét, cao 18 cm, hai bên lề đường mỗi bên một mét, chi phí giải phóng mặt bằng các hộ dân đóng góp"*. Tại biên bản làm việc với người khởi kiện ông Lê Xuân H (bút lục 53) của Tổ xác minh 02, có thể hiện nội dung ông H trình bày*: "số tiền cụ thể mỗi hộ dân phải đóng được trưởng ấp triển khai cụ thể đối với tiền ban gạt đường đất, tháo dỡ hàng rào, lấp lề đường của từng hộ. Tại buổi họp các hộ dân đều thống nhất đồng ý đối với số tiền phải đóng, không ai phản đối."*. Tại biên bản làm việc với ông Đỗ Văn T3, Trưởng ấp B (bút lục 55) của Tổ xác minh số 02, có thể hiện nội dung ông T3 trình bày: *"Sau khi xác định được số tiền cần thu, ông T3 tiến hành mời các hộ dân có liên quan họp tại nhà ông Lê Xuân H, tại buổi họp đã thống nhất về số tiền cần đóng của mỗi hộ. Trong đó có 03 hộ đồng bào hiến đất và 05 hộ sẽ đóng tiền. Buổi họp có lập biên bản, các hộ tham dự có ký tên xác nhận và có bầu ông Lê Xuân H làm thủ quỹ, tiến hành thu chi..."*. Tại biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã L (bút lục 58-61) đối với ông Vũ Văn T6, bà Bùi Thị C là các hộ dân có đường đi đất đều thể hiện nội dung: *"...trước khi làm đường các hộ dân tổ 5, ấp B đều được T5 ấp tiến hành mời họp và bàn về nội dung làm đường và các hộ dân đều thống nhất với số tiền đóng góp của mỗi hộ, không ai có ý kiến phản đối gì..."*.

Đối chiếu vào kết quả thẩm định Dự toán xây dựng công trình tại Thông báo số 109/KT&HT-GT ngày 13/4/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng (bút lục 89), cho thấy: Tổng dự toán phê duyệt là 346.160.292, trong đó: xi măng: 106.705.022 đồng; cát: 76.374.144 đồng; đá 1x2: 79.867.652 đồng; chi phí vận chuyển: 25.253.474 đồng; chi phí thi công là 57.960.000 đồng. Xác định được phần dự toán trên không bao gồm chi phí ban, gạt lỡ, đỗ đất để làm mặt bằng trước khi thi công xây dựng đường bê tông xóm.

Việc Ủy ban nhân dân xã L chỉ đạo T ấp B họp dân để vận động các hộ dân đóng góp các khoản chi phí không được Nhà nước hỗ trợ nêu trên không bị pháp luật cấm và phù hợp với tinh thần nội dung của Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 1 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND

của Hội đồng nhân dân tỉnh. Mặt khác, việc đóng góp các chi phí nêu trên được các hộ dân tự nguyện đóng góp, tự phân công người thu tiền quỹ đối ứng làm đường, tự bầu Tổ giám sát, các hộ dân được thông báo công khai kết quả sử dụng các nguồn kinh phí làm đường. Ngoài ra, nguồn kinh phí huy động được cũng được Uỷ ban nhân dân xã sử dụng vào đúng mục đích giai đoạn trước khi thi công. Hơn nữa, ông H khởi kiện nhưng không cung cấp được căn cứ nào chứng minh cho việc Uỷ ban nhân dân xã thu tiền của các hộ dân là sai định của pháp luật. Do vậy, người bị kiện ban hành Quyết định số 3152/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của ông H là có căn cứ, mặc dù chưa đảm bảo về thời hạn giải quyết nhưng đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và nội dung quyết định.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc đề nghị Tòa tuyên hủy Quyết định số 3152/QĐ-UBND và các yêu cầu khởi kiện có liên quan.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và quyết định là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Những nội dung trình bày và các tài liệu, chứng cứ người khởi kiện nêu trong đơn kháng cáo, đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu. Tuy nhiên, ông Lê Xuân H là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Xuân H;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai).

Áp dụng khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Các Điều 7, 9, 18, 36, 37, 38, 39, 40, 41 của Luật Khiếu nại năm 2011; Chương IV, Điều 29 biểu mẫu số 16 quy định kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh B quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn Ngân sách Nhà nước thực

hiện chương trình tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2018-2020; Điều 1 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh B về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh B về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H, về việc:

- Hủy Quyết định hành chính số 3152/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn của ông Lê Xuân H, địa chỉ: tổ E, ấp B, xã L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng cho 05 hộ dân tại tổ E, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình PhướcPhước.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Xuân H thuộc đối tượng được miễn tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (5);
- Lưu (10) 22b (ÁnTTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên